

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG**thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 29-7-2020 của Bộ Chính trị
về đảm bảo an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030**

Sau 10 năm triển khai thực hiện Kết luận số 53-KL/TW của Bộ Chính trị, tình hình an ninh lương thực của tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực, là tỉnh dẫn đầu cả nước về sản lượng lúa và hiện chiếm đến 10% sản lượng lúa cả nước, đóng vai trò to lớn cho xuất khẩu gạo và tăng thu nhập cho nông dân. Sản lượng lúa từ 3,38 triệu tấn năm 2008 tăng lên 4,5 triệu tấn năm 2020; sản lượng thực phẩm rau màu, cây ăn trái, sản phẩm chăn nuôi và thủy sản cũng gia tăng đáng kể. Tình trạng suy dinh dưỡng của người dân được cải thiện. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng đã giảm từ 19,8% vào năm 2008 đến năm 2020 là 12,4%. Kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội được quan tâm đầu tư, cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp và dịch vụ nông thôn; kết hợp phát triển nông nghiệp, nông thôn với nâng cao trình độ dân trí và bảo vệ môi trường sinh thái, từ đó góp phần quan trọng vào việc đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, phát triển kinh tế-xã hội và ổn định chính trị của đất nước.

Tuy nhiên, sản xuất và lưu thông lương thực của tỉnh vẫn còn nhiều hạn chế: sản xuất lương thực, thực phẩm chưa thật sự bền vững, phương thức sản xuất nông nghiệp chậm được đổi mới, cơ sở hạ tầng còn nhiều yếu kém; quản lý sản xuất, hoạt động kinh doanh xuất khẩu gạo còn nhiều bất cập, thu nhập của người sản xuất lương thực còn thấp. Tổ chức sản xuất, chế biến thương mại, đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm còn nhiều khó khăn. Liên kết theo chuỗi giá trị gắn với chế biến, tiêu thụ chưa đáp ứng được nhu cầu sản xuất hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao còn hạn chế, chưa tạo được đột phá để giảm chi phí sản xuất, nâng cao giá trị gia tăng, sức cạnh tranh sản phẩm, chế biến sâu chưa nhiều.

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng Kết luận số 81-KL/TW, ngày 29-7-2020 của Bộ Chính trị đến các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp, cán bộ, đảng viên và nhân dân; nâng cao nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của vấn đề bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia với sự phát triển kinh tế-xã hội, quốc phòng-an ninh; từ đó sự tạo đồng thuận, thống nhất cao trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện kết luận của Bộ Chính trị.

2. Cụ thể hóa Kết luận số 81-KL/TW của Bộ Chính trị thành các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp về bảo đảm an ninh lương thực quốc gia phù hợp với điều

kiện thực tế của tỉnh, gắn với tiếp tục triển khai thực hiện Kết luận số 54-KL/TW ngày 07-8-2019 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và việc triển khai các đề án, kế hoạch, chủ trương, chính sách về cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, góp phần đảm bảo sự ổn định, phát triển kinh tế-xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

3. Các cấp ủy đảng, chính quyền, các cấp, các ngành căn cứ kết luận của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Tỉnh ủy đề tập trung tham mưu, triển khai thực hiện đảm bảo thiết thực, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của từng ngành, địa phương, lĩnh vực.

II- MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO AN NINH LƯƠNG THỰC QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2030

An ninh lương thực và đảm bảo an ninh lương thực quốc gia luôn là vấn đề quan trọng, thiết yếu của quốc gia, của tỉnh trước mắt và lâu dài khi nguồn cung cấp lương thực ngày càng chịu sự tác động lớn của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, an ninh nguồn nước, sự cạnh tranh quyết liệt trong điều kiện hội nhập kinh tế toàn cầu. Để đảm bảo an ninh lương thực của tỉnh, Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban nhân dân các cấp thực hiện tốt những mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau:

1. Mục tiêu đến năm 2030

- Nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp, giữ ổn định 375.000ha đất nông nghiệp, sản lượng lúa hàng năm trên 4 triệu tấn đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu; tăng sản lượng các loại rau màu 625.000 tấn; diện tích trồng cây ăn quả 30.075ha, sản lượng 451.125 tấn; sản lượng khai thác thủy sản duy trì ở mức khoảng 425.000 tấn, sản lượng nuôi trồng thủy sản 375.000 tấn; cung cấp đầy đủ, đa dạng, an toàn các loại thực phẩm với chất lượng ngày càng cao, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, góp phần đảm bảo nâng cao đời sống nhân dân, ổn định chính trị, xã hội trong mọi tình huống.

- Đảm bảo thu nhập của người dân khu vực nông thôn cao hơn 2,0 lần so với năm 2020.

- Đảm bảo nhu cầu dinh dưỡng với khẩu phần ăn cân đối khoa học, nâng mức tiêu thụ lương thực, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi xuống còn 11%.

2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

2.1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền về công tác đảm bảo an ninh lương thực quốc gia

Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp tổ chức quán triệt sâu rộng đến toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò, ý nghĩa quan trọng của công tác bảo đảm an ninh lương thực quốc gia trong tình hình mới; tạo sự đồng thuận, nhất trí cao trong triển khai thực hiện, với quan điểm an ninh lương thực quốc gia

luôn là vấn đề quan trọng, thiết yếu của đất nước cả trước mắt và lâu dài, khi nguồn cung tiếp tục chịu tác động lớn của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, an ninh nguồn nước, quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ.

Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của an ninh lương thực, an ninh dinh dưỡng cho cán bộ, đảng viên, cả hệ thống chính trị và nhân dân. Các cấp ủy đảng và chính quyền từ tỉnh đến cơ sở cần xác định đảm bảo an ninh lương thực quốc gia là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng góp phần bảo đảm sự ổn định, phát triển bền vững kinh tế-xã hội; tập trung cao lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các mục tiêu về bảo đảm an ninh lương thực, thực phẩm trong chủ trương cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, gắn với triển khai thành công chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

2.2. Tiếp tục cơ cấu lại để phát triển sản xuất, chế biến, tiêu thụ lương thực, thực phẩm theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, theo chuỗi liên kết giá trị

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp về cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo đề án, kế hoạch của tỉnh đã ban hành, với trọng tâm cơ cấu lại sản xuất trong ngành, lĩnh vực, gắn với phát triển kinh tế nông thôn, theo hướng khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của các vùng sinh thái; phát triển mạnh các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực theo 3 cấp độ: sản phẩm thuộc danh mục chủ lực quốc gia, sản phẩm chủ lực cấp tỉnh và nhóm sản phẩm chủ lực đặc sản, có giá trị cá biệt cấp vùng, miền, địa phương, gắn với đề án “Mỗi-xã một sản phẩm-OCOP”.

Tập trung quyết liệt, tạo bước chuyển thực sự về tích tụ, tập trung ruộng đất theo cơ chế cho thuê, chuyển nhượng, góp đất, phát triển đa dạng các loại hình liên kết với doanh nghiệp, cơ sở thu mua, chế biến theo cánh đồng lớn; gắn với xây dựng và quản lý hệ thống mã vùng trồng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Ưu tiên thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch theo vùng chuyên canh; tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị khép kín ở tất cả các quy mô, loại hình và đối tượng sản phẩm; tạo dựng thương hiệu nông sản của tỉnh, nhất là đối với các sản phẩm chủ lực có lợi thế khác biệt, sức cạnh tranh như: tôm, lúa,...

Phát triển mạnh công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch để nâng cao giá trị, dinh dưỡng, đa dạng hóa các mặt hàng lương thực, thực phẩm phục vụ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân và hướng tới xuất khẩu. Rà soát, xây dựng và triển khai có hiệu quả đề án phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn; đề án phát triển hợp tác xã nông nghiệp đến năm 2030 để tổ chức thực hiện, với trọng tâm đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động hợp tác xã thực sự là cầu nối giữa người nông dân và doanh nghiệp; phát triển liên kết, tổ chức sản xuất hàng hóa quy mô lớn, chất lượng cao; củng cố, nâng cấp hệ thống hợp tác xã, tổ hợp tác nông nghiệp đáp ứng yêu cầu của Chương trình mỗi xã một sản phẩm.

Quy hoạch đất lúa phải đảm bảo sự thống nhất và phù hợp về quy mô và địa bàn bố trí đất lúa với quy hoạch sử dụng đất trên phạm vi toàn quốc. Để đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 diện tích đất lúa tỉnh Kiên Giang cần phải giữ khoảng 375.000ha, trong đó 270.000ha đất lúa sản xuất 02 vụ trở lên, có hệ thống thủy lợi hoàn chỉnh. Diện tích đất lúa cần giữ, bảo vệ nghiêm ngặt phải được xác định cụ thể đến từng địa phương (huyện, xã) và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất lúa đến hộ sử dụng.

2.3. Nâng cao khả năng và quyền tiếp cận của người dân đối với lương thực, thực phẩm an toàn, đảm bảo dinh dưỡng

Rà soát, xây dựng kế hoạch đầu tư công với trọng tâm ưu tiên đầu tư nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống công trình hồ chứa, kênh mương thủy lợi đảm bảo tưới tiêu chủ động cho 100% đất lúa và tăng diện tích có tưới đối với rau, màu, cây ăn quả, nuôi trồng thủy sản. Đầu tư xây dựng công trình cấp, thoát nước, hạ tầng ao nuôi, điện, xử lý môi trường tại các vùng nuôi trồng thủy sản. Đối với những vùng sản xuất cây lương thực tập trung, hoàn thiện hệ thống kênh mương nội đồng kết hợp với cải tạo đồng ruộng, giao thông nội đồng, tạo điều kiện thuận lợi áp dụng tiến bộ kỹ thuật, cơ giới hóa và nâng cao hiệu quả sản xuất.

Phát triển hệ thống đường giao thông, kho lưu trữ, bảo quản, tạo thuận lợi việc lưu thông, thương mại và người dân tiếp cận lương thực, thực phẩm trong mọi tình huống, nhất là các hộ nghèo, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn; kết nối và phát triển toàn diện mạng lưới giao thông của tỉnh, bao gồm đường bộ, đường thủy và cảng biển, góp phần thúc đẩy thương mại, lưu thông hàng hóa lương thực, thực phẩm, phát triển kinh tế-xã hội.

Xã hội hóa, khuyến khích phát triển hệ thống trung tâm cung ứng nông sản hiện đại của tỉnh, các cơ sở chế biến, bảo quản; đầu tư hệ thống thông tin, ứng dụng thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số, dự tính dự báo thị trường phục vụ cho sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp; duy trì các hội chợ, lễ hội sản phẩm nông sản, đặc sản hàng năm nhằm quảng cáo, giới thiệu sản phẩm, nhất là hàng hóa lương thực, thực phẩm để người tiêu dùng; bảo đảm cung cấp đầy đủ nhu cầu dinh dưỡng với khẩu phần ăn cân đối và khoa học.

2.4. Xây dựng cơ chế, chính sách bảo đảm an ninh lương thực

Tiếp tục tuyên truyền, triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn của Trung ương và của tỉnh đã ban hành phù hợp với điều kiện thực tế địa phương, lĩnh vực, nhất các chính sách về tín dụng phục vụ nông nghiệp, nông thôn (theo các Nghị định số 55/2015/NĐ-CP và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP của Chính phủ), chính sách bảo hiểm nông nghiệp (theo Nghị định số 58/2018/NĐ-CP của Chính phủ, Quyết định số 22/2019/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ), chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ,... Rà soát, xây dựng bổ sung cơ chế, chính sách mới bảo đảm thúc đẩy mạnh mẽ cơ cấu lại nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả, bền vững, thực hiện mục tiêu tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có chính sách

khuyến khích phát triển sản xuất các sản phẩm lương thực, thực phẩm góp phần bảo đảm an ninh lương thực quốc gia.

Nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện chính sách đất đai theo hướng quản lý chặt chẽ, bảo vệ và nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp; thúc đẩy tích tụ, tập trung trên cơ sở hình thành thị trường quyền sử dụng đất nông nghiệp, bảo vệ quyền lợi của người nông dân; tạo điều kiện cho nông dân sử dụng linh hoạt đất nông nghiệp, bao gồm cả đất trồng lúa để phát huy hiệu quả quản lý, sử dụng đất đai, nhưng không làm thay đổi tính chất, điều kiện sử dụng đất lúa.

Thường xuyên rà soát, đánh giá tình hình cung-cầu lương thực, thực phẩm, tăng cường công tác dự báo thị trường tiêu thụ trong và ngoài tỉnh để có định hướng, kế hoạch sản xuất lương thực phù hợp. Từng bước giám sát thực phẩm tiêu thụ hàng ngày nhằm có bữa ăn cân đối, hợp lý về dinh dưỡng, bảo đảm có lợi cho sức khỏe và phù hợp với cơ cấu dinh dưỡng, an toàn thực phẩm, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân, đặc biệt là trẻ em tuổi học đường. Chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định số 107/2018/NĐ-CP của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo; hỗ trợ các hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị; ứng dụng thương mại điện tử phục vụ tiêu thụ nông sản; xây dựng và triển khai có hiệu quả chương trình xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm nông nghiệp. Thực hiện các chính sách hỗ trợ, bảo đảm mọi người dân có đủ lương thực khi cần thiết. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm vi phạm các quy định về bảo đảm an toàn thực phẩm và an ninh lương thực quốc gia trên địa bàn tỉnh.

2.5. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; trình độ nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ

Tập trung đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo nguồn nhân lực; xây dựng và triển khai hiệu quả Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, với trọng tâm đào tạo nghề gắn với quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng chuyển một bộ phận lao động nông nghiệp sang khu vực công nghiệp, dịch vụ, thương mại, khu vực động lực hoặc xuất khẩu lao động nông nghiệp; hoàn thiện quy hoạch hệ thống mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề, ban hành định mức về đào tạo nghề; rà soát, bổ sung các chính sách về đào tạo nghề nông nghiệp, nông thôn theo hướng hỗ trợ đào tạo nghề theo nhu cầu của người sử dụng lao động, gắn đào tạo với địa chỉ sử dụng lao động cụ thể (doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở kinh doanh,...), đáp ứng yêu cầu phát triển, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Nghiên cứu, đề xuất các chính sách phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho lĩnh vực nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn theo hướng chuyên nghiệp, khoa học và hiện đại đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới bao gồm cả cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, đội ngũ chuyên gia, công nhân nông nghiệp và kỹ năng quản trị cán bộ quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ hợp tác đủ năng lực tiếp thu vận hành, chuyển giao công nghệ mới vào sản xuất.

Tiếp tục xác định khoa học công nghệ là động lực then chốt, tập trung chỉ đạo, ưu tiên nguồn lực, thực hiện đổi mới sáng tạo, “khoa học công nghệ phải đi

trước một bước” để tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển nông nghiệp, nông thôn; triển khai có hiệu quả thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27-9-2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; thực hiện Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia và các chương trình khoa học công nghệ khác cho lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, bảo quản, chế biến và lưu thông lương thực, thực phẩm; phát triển sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, thông minh, tiên tiến, thích ứng với biến đổi khí hậu; công nghệ sau thu hoạch. Chú trọng phát triển doanh nghiệp và thị trường khoa học công nghệ; xây dựng mô hình ươm tạo và hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; thúc đẩy ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới.

Ưu tiên đầu tư cho chọn lọc, ứng dụng các giống mới có năng suất cao, chất lượng tốt, giống cây trồng sử dụng ít nước và chịu được ngập úng, hạn, mặn; áp dụng công nghệ sinh học, công nghệ thông tin và các quy trình sản xuất tiên tiến, cơ giới hóa, tự động hóa vào khâu trong sản xuất; đổi mới công tác khuyến nông.

2.6. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh lương thực; quản lý, sử dụng hiệu quả của tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai

Tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị sự nghiệp, tổ chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp huyện, cơ sở theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương, nhất là kiện toàn, củng cố tổ chức lại hệ thống cán bộ thú y, quản lý chất lượng nông sản, thủy sản thống nhất từ tỉnh đến huyện, xã, phường, thị trấn, đảm bảo các điều kiện về cán bộ và phương tiện, bảo đảm phục vụ công tác chỉ đạo sản xuất, phòng chống dịch bệnh, kiểm soát về an toàn thực phẩm. Rà soát, ban hành các quy định, quy chế phối hợp về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền trong các cơ quan quản lý nhà nước về an ninh lương thực, an toàn thực phẩm; tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực.

Chỉ đạo rà soát, ban hành các định mức kinh tế-kỹ thuật sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, giá dịch vụ, hàng hóa, sản phẩm công ích, tạo cơ sở thúc đẩy việc thực hiện cơ chế, chính sách xã hội hóa các dịch vụ trong nông nghiệp, nhất là dịch vụ tư vấn, hợp tác khuyến nông, chuyển giao khoa học công nghệ, đào tạo nghề, cấp nước sạch, thủy lợi,...

Siết chặt quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên đất, nước, rừng; đẩy mạnh công tác thăm dò, đánh giá tiềm năng nước mặt và nước ngầm; rà soát, điều chỉnh quy hoạch ngành cấp nước có tính tới tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng; ngăn chặn hành vi gây ô nhiễm nguồn nước. Điều tra và lập dự án đầu tư xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai và ứng dụng công nghệ cao để theo dõi, quản lý, sử dụng đất trồng lúa hiệu quả, bền vững.

Tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm Kết luận số 56-KL/TW, ngày 23-8-2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7, khóa XI

về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và môi trường; Chương trình hành động số 59-CTr/TU, ngày 11-9-2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

Đẩy mạnh việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nhân rộng việc thực hiện cải tạo đồng ruộng theo hướng phá bỏ bờ vùng, bờ thửa, hình thành cánh đồng lớn, có chính sách hỗ trợ tích tụ đất đai, nâng cao hiệu quả sản xuất, hạn chế việc nông dân bỏ ruộng, bỏ vụ sản xuất nông nghiệp.

Rà soát, tích hợp các nội dung về quy hoạch thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai, quy hoạch 3 loại rừng vào quy hoạch tỉnh, quy hoạch vùng liên huyện và quy hoạch xây dựng vùng huyện nhằm bảo đảm tính đồng bộ các biện pháp về phòng ngừa, ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu. Từ đó khẩn trương xây dựng kế hoạch, tranh thủ nguồn ngân sách Trung ương, lồng ghép các nguồn khác để đầu tư, nâng cấp hệ thống thủy lợi, hệ thống hồ chứa, rừng đầu nguồn, đê sông, đê biển ngăn xâm nhập mặn bảo đảm an ninh nguồn nước.

2.7. Hợp tác quốc tế trong đảm bảo an ninh lương thực

Triển khai có hiệu quả nghị quyết của tỉnh về một số chính sách hỗ trợ xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn cho sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tỉnh đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế giai đoạn 2020-2025 và những năm tiếp theo, trong đó tập trung hỗ trợ xây dựng, áp dụng và chứng nhận các hệ thống quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế cho hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm lương thực, thực phẩm như: VietGAP, VietGAHP trong sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001), hệ thống quản lý an toàn thực phẩm,... đối với cơ sở bảo quản, chế biến nông sản.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, kết nối sản xuất, tiêu thụ và quảng bá sản phẩm nông nghiệp, trong đó chú trọng xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, chuẩn hóa quy cách, kiểu dáng mẫu mã và chất lượng sản phẩm; hình thành hệ thống các cửa hàng giới thiệu sản phẩm OCOP; nâng cao nhận thức cho các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp và người dân về tiến trình hội nhập quốc tế và các hiệp định thương mại (FTA, CPTPP,...) mà nước ta tham gia, từ đó tăng cường hợp tác, xây dựng quan hệ, phát triển mở rộng thị trường xuất khẩu nông sản, trước hết triển khai các hoạt động tuyên truyền, cung cấp đầy đủ thông tin về CPTPP và các FTA, các cam kết và lộ trình thực hiện các cam kết này, hỗ trợ doanh nghiệp, người dân khai thác hiệu quả các FTA, CPTPP để có giải pháp vượt qua thách thức, nắm bắt được cơ hội để đưa sản phẩm nông nghiệp hội nhập quốc tế.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng, chính quyền tổ chức triển khai, quán triệt và thực hiện nội dung chương trình hành động này; căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức thực hiện phù hợp với tình hình thực tiễn của cơ quan, địa phương. Đồng thời, các nội dung về đảm bảo an ninh lương thực phải được thể hiện trong kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của cơ quan, địa phương.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trì nghiên cứu, đề xuất, sửa đổi, bổ sung Luật Đất đai 2013 và các văn bản pháp luật khác có liên quan để thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các quan điểm, định hướng đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 khóa XI và Kết luận số 36-KL/TW, ngày 06-9-2018 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai.

3. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy và tổ chức quán triệt đầy đủ, sâu rộng Kết luận số 81-KL/TW, ngày 29-7-2020 của Bộ Chính trị đến cán bộ, đảng viên và tầng lớp nhân dân, căn cứ thực tiễn; các ngành chức năng và địa phương xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Kết luận số 81-KL/TW và Chương trình hành động này; hoàn thiện hệ thống tổ chức và hoạt động cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp, nông thôn từ tỉnh đến cơ sở. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, định kỳ báo cáo theo quy định.

4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị-xã hội tỉnh tăng cường vận động các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia và giám sát việc thực hiện Chương trình hành động này.

5. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức việc học tập, quán triệt, tuyên truyền, phổ biến nội dung và kết quả thực hiện Chương trình hành động này. *nel*

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Ban cán sự đảng Bộ NN-PTNT;
- Các ban đảng, đảng đoàn, BCS đảng,
- Các huyện, thành ủy, ĐUTT;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các đ/c Tỉnh ủy viên;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**



Mai Văn Huỳnh